UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ SƠN KIM 1**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/QĐ-UBND	*Sơn Kim 1, ngày 08 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND, ngày 29/12/2020 của HĐND xã Sơn Kim 1 về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

Theo đề nghị của Tài chính - Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2021 với số liệu tổng hợp như sau:

A. Tổng dự toán thu ngân sách xã năm 2021: 6.047.695.500 đồng

(sáu tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm năm chín nghìn năm trăm đồng)

Trong đó: - Thu tại xã: 62.000.000 đồng

- Thu điều tiết từ các khoản thuế 429.900.000 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.555.795.500 đồng

B. Tổng dự toán chi ngân sách năm 2021 : 6.047.695.500 đồng.

sáu tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm năm chín nghìn năm trăm đồng)

Trong đó: - Chi xây dựng cơ bản: 268.000.000 đồng

- Chi thường xuyên: 5.651.227.000 đồng

- Chi dự phòng 128.468.500 đồng

(Số liệu cụ thể có báo cáo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Văn phòng UBND, Tài chính - Kế toán, các tổ chức, ban ngành và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND huyện Hương Sơn;
- Phòng Tài chính- KH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Thôn trưởng
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thư

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

I. PHẦN THU:

ĐVT: đồng.

NỘI DUNG	THU NGÂN SÁCH NN	THU NGÂN SÁCH XÃ	GHI CHÚ
TỔNG THU	**6455 795 500**	**6047 695 500**	
I. Các khoản thu 100%	**62 000 000**	**62 000 000**	
1. Thu phí, lệ phí	37 000 000	37 000 000	
2. Thu khác	25 000 000	25 000 000	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	**838 000 000**	**429 900 000**	
2. Thu cấp quyền sử dụng đất	500 000 000	250 000 000	
2. Tthuế phi nông nghiệp	1 000 000	1 000 000	
6. Lệ phí trước bạ	60 000 000	60 000 000	
7. Thuế tài nguyên	2 000 000	2 000 000	
8. Thuế VAT thu nhập doanh nghiệp	215 000 000	98 900 000	
9. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	60 000 000	18 000 000	
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**5555 795 500**	**5555 795 500**	
1.Trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp trên	5555 795 500	5555 795 500	
2. Trợ cấp mục tiêu			
IV. Thu viện trợ không hoàn lại			

II. PHẦN CHI:

NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2021	TIẾT KIỆM 10% CCTL	CÒN LẠI	GHI CHÚ
TỔNG CHI	**6047 695 500**	**117 400 000**	**5930 295 500**	
I. Chi đầu tư phát triển	**268 000 000**		**268 000 000**	
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	268 000 000		268 000 000	
II. Chi thường xuyên	**5651 227 000**	**117 400 000**	**5533 827 000**	
1. Chi quốc phòng, an ninh	**657 928 000**	**12 000 000**	**645 928 000**	
1.1: Chi Quốc phòng	455 468 000	10 000 000	445 468 000	
+ *Lương chỉ huy trưởng quân sự và các khoản đóng góp*	*85 000 000*		*85 000 000*	
+ *Lương chỉ huy phó quân sự*	*23 244 000*		*23 244 000*	
+ *Phụ cấp thôn đội trưởng*	*80 460 000*		*80 460 000*	
+ *Phụ cấp trách nhiệm dân quân*	*52 080 000*		*52 080 000*	
+ *Phụ cấp đặc thù quốc phòng*	*12 684 000*		*12 684 000*	
+ *Chi hoạt động*	*100 000 000*	*10 000 000*	*90 000 000*	
+ *Chi tuần tra biên giới*	*102 000 000*		*102 000 000*	
1.2: Chi an ninh	202 460 000	2 000 000	200 460 000	

+ *Phụ cấp công an viên*	*80 460 000*		*80 460 000*	
+ *Chi hoạt động*	*20 000 000*	*2 000 000*	*18 000 000*	
+ *Chi tuần tra biên giới*	*102 000 000*		*102 000 000*	
2. Sự nghiệp giáo dục	**21 788 000**	**2 000 000**	**19 788 000**	
- P/c y tế học đường trường mầm non	1 788 000		1 788 000	
-Hoạt động chúc mừng khai giảng, bế giảng, chào mừng ngày 20/11	20 000 000	2 000 000	18 000 000	
3. Hoạt động dân số KHH GĐ -y tế thôn	**52 276 000**	**400 000**	**51 876 000**	
- Phụ cấp y thôn kiêm CTV dân số	48 276 000		48 276 000	
- Chi hoạt động	4 000 000	400 000	3 600 000	
4. Sự nghiệp văn hoá thông tin	**100 000 000**	**5 500 000**	**94 500 000**	
- Chi khu dân cư	45 000 000		45 000 000	
- Chi hoạt động văn hóa	55 000 000	5 500 000	49 500 000	
5. Sự nghiệp thể dục thể thao	**70 000 000**	**7 000 000**	**63 000 000**	*ĐH TDTT*
6. Sự nghiệp kinh tế	**298 000 000**	**29 800 000**	**268 200 000**	
- Sự nghiệp Giao thông - Thủy lợi	220 000 000	22 000 000	198 000 000	
- Sự nghiệp nông, lâm nghiệp	20 000 000	2 000 000	18 000 000	
- Sự nghiệp môi trường	48 000 000	4 800 000	43 200 000	
- Sự nghiệp khác (chăn nuôi thú y)	10 000 000	1 000 000	9 000 000	
7. Đảm bảo xã hội	**174 332 000**	**1 000 000**	**173 332 000**	
- Hưu xã	*34 332 000*		*34 332 000*	
- BHYT các đối tượng	*130 000 000*		*130 000 000*	
- Chi khác	*10 000 000*	*1 000 000*	*9 000 000*	
8. Chi quản lý nhà nước đảng đoàn thể	**4251 903 000**	**59 700 000**	**4192 203 000**	
8.1. Ủy ban nhân dân	**2324 479 000**	**27 500 000**	**2296 979 000**	
- Lương CBUB và các khoản phải nộp	1345 415 000		1345 415 000	
- PC cán bộ bán chuyên trách (NTM, thú y, LN, phát thanh)	75 096 000		75 096 000	
- PC thôn trưởng	215 532 000		215 532 000	
- PC kiểm soát thủ tục hành chính	7 152 000		7 152 000	
-Phụ cấp tiếp dân	10 728 000		10 728 000	
-Phụ cấp kế toán trưởng	1 788 000		1 788 000	
- PC quản lý đê điều	5 964 000		5 964 000	1/3 lcb
- Phụ cấp người làm nhiệm vụ ở thôn	187 584 000		187 584 000	
-PC hợp đồng lao động vụ việc	50 000 000		50 000 000	
-Phụ cấp người làm công tác tôn giáo	26 820 000		26 820 000	
-Chi hoạt động dân tộc, tôn giáo	70 000 000		70 000 000	
- Chi hoạt động thường xuyên	255 000 000	25 500 000	229 500 000	
- Bộ phận 1 cửa	38 400 000		38 400 000	
- Hoạt động đối ngoại	20 000 000	2 000 000	18 000 000	
- Hỗ trợ 50% chi phí đóng BHXH - BHYT cho cán bộ bán chuyên trách	15 000 000		15 000 000	

8.2. Hội đồng nhân dân	**507 216 000**	**12 100 000**	**495 116 000**	
- Lương CT, PCT HĐND và các khoản phải nộp	103 000 000		103 000 000	
- PC đại biểu HĐND	229 100 000		229 100 000	
-'Phụ cấp các ban của HĐND	12 516 000		12 516 000	
-'Chi các khoản phụ cấp khác của ĐB HĐND	41 600 000		41 600 000	
-'Chi tổng kết nhiệm kỳ HĐND xã	20 000 000	2 000 000	18 000 000	
-'Bầu cử Quốc hội và ĐB HĐND các cấp	50 000 000	5 000 000	45 000 000	
- Chi may đồng phục cho đại biểu HĐND xã	26 000 000	2 600 000	23 400 000	1 tr/ĐB
- Chi hoạt động HĐND	25 000 000	2 500 000	22 500 000	
8.3. Đảng cộng sản Việt Nam	**593 628 000**	**7 000 000**	**586 628 000**	
- Lương CB Đảng và các khoản phải nộp	200 000 000		200 000 000	
- Phụ cấp VP đảng ủy	21 456 000		21 456 000	
- Phụ cấp BCH Đảng ủy	75 096 000		75 096 000	
- Phụ cấp bí thư chi bộ	216 348 000		216 348 000	
- Phụ cấp UB kiểm tra Đảng	10 728 000		10 728 000	
- Hoạt động (Hội nghị tổng kết, CTP, Đặt báo, điện thoại, VPP, hoạt động khác..)	70 000 000	7 000 000	63 000 000	
8.4. Mặt trận tổ quốc	**223 764 000**	**2 000 000**	**221 764 000**	
- Lương CB CTMT và các khoản phải nộp	89 000 000		89 000 000	
- PC phó CTMT Tổ quốc xã	23 244 000		23 244 000	
-Phụ cấp trưởng ban CTMT	71 520 000		71 520 000	
- Hoạt động mặt trận (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP, hoạt động khác…)	15 000 000	1 500 000	13 500 000	
- Thanh tra nhân dân	5 000 000	500 000	4 500 000	
- KP vận động toàn dân XD NTM	20 000 000		20 000 000	
8.5. Đoàn thanh niên CS HCM	**115 808 000**	**1 700 000**	**114 108 000**	
- Lương BT đoàn và các khoản phải nộp	75 564 000		75 564 000	
- PC phó BT Đoàn thanh niên	23 244 000		23 244 000	
- Hoạt động (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP…)	14 000 000	1 400 000	12 600 000	kn 90 năm 2t
-Hội liên hiệp thanh niên	3 000 000	300 000	2 700 000	
8.6. Hội liên hiệp phụ nữ	**136 244 000**	**2 800 000**	**133 444 000**	
- Lương CT HPN và các khoản phải nộp	85 000 000		85 000 000	
- PC phó CT.HPN	23 244 000		23 244 000	
- Hoạt động HPN (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP, hoạt động khác…)	12 000 000	1 200 000	10 800 000	
- Đại hội	12 000 000	1 200 000	10 800 000	
- Vì sự tiến bộ của phụ nữ	4 000 000	400 000	3 600 000	
8.7. Hội cựu chiến binh	**120 244 000**	**1 200 000**	**119 044 000**	
- Lương CT CCB và các khoản phải nộp	85 000 000		85 000 000	
- PC phó CT.HCCB	23 244 000		23 244 000	

- Hoạt động (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP…)	12 000 000	1 200 000	10 800 000	
8.8. Hội nông dân	**140 244 000**	**1 200 000**	**139 044 000**	
- Lương CT HND và các khoản phải nộp	105 000 000		105 000 000	
- PC phó CTHND	23 244 000		23 244 000	
- Hoạt động (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP, …)	12 000 000	1 200 000	10 800 000	
8.9. Các tổ chức hội khác	**90 276 000**	**4 200 000**	**86 076 000**	
- Hội người cao tuổi	37 244 000	1 400 000	35 844 000	
+ *Phụ cấp chủ tịch hội*	*23 244 000*		*23 244 000*	
+ *Hoạt động*	*4 000 000*	*400 000*	*3 600 000*	
+ *Chi tổ chức mừng thọ chúc thọ*	*5 000 000*	*500 000*	*4 500 000*	
+ *Chi đại hội*	*5 000 000*	*500 000*	*4 500 000*	
- Hội chữ thập đỏ	21 516 000	900 000	20 616 000	
+ *Phụ cấp chủ tịch hội*	*12 516 000*		*12 516 000*	
+ *Hoạt động*	*4 000 000*	*400 000*	*3 600 000*	
+ *Đại hội*	*5 000 000*	*500 000*	*4 500*	
- Hội người tàn tật trẻ mồ côi (Tổng kết, VPP)	4 000 000	400 000	3 600 000	
- Hội thanh niên xung phong	14 516 000	200 000	14 316 000	
' + Phụ cấp chủ tịch hội CTNXP	*12 516 000*		*12 516 000*	
' + Hoạt động	*2 000 000*	*200 000*	*1 800 000*	
- Hoạt động công đoàn	*5 000 000*	*500 000*	*4 500 000*	
- Hội khuyến học	*5 000 000*	*500 000*	*4 500 000*	
- 'Ban liên lạc dân tộc	*3 000 000*	*300 000*	*2 700 000*	
9 Chi khác	**25 000 000**		**25 000 000**	
III. Dự phòng	**128 468 500**		**128 468 500**	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN (sô 01)

Niêm yết công khai số liệu Dự toán thu chi ngân sách năm 2021

I. Thời gian: ngày 01 tháng 01 năm 2021

II. Địa điểm: Tại Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Sơn Kim 1

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Uỷ ban nhân dân, thôn trưởng 9 thôn

IV. Nội dung:

1. Ông: Hoàng Văn Thư - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

2.Thông báo các nội dung công khai

Công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã năm 2021

3.Hình thức công khai

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn
- Niêm yết tại Trụ sở uỷ ban nhân dân xã Sơn Kim 1, nhà văn hoá 9 thôn

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại Trụ sở uỷ ban nhân dân xã Sơn Kim 1, nhà văn hoá 9 thôn
- Thời gian niêm yết: từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2021

5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã, Ban tài chính xã hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn 11 h 30 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký

Lê Thị Thu Hà

Chủ tịch

Hoàng Văn Thư

Thanh tra nhân dân

Nguyễn Thị Thúy

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN (Số 02)
Kết thúc niêm yết công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách năm 2021

I. Thời gian: ngày 31 tháng 01 năm 2021

II. Địa điểm: Tại Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Sơn Kim 1

III. Thành phần:

1.Ông: Hoàng Văn Thư	- Chủ tịch UBND
2.Ông: Phan Thanh Tùng	- Phó Chủ tịch Uỷ ban
3. Bà: Nguyễn Thị Thúy	- Thanh tra nhân dân
4. Ông: Lê Hữu Tùng	- P. Chủ tịch Hội đồng
5. Bà: Lê Thị Thu Hà	- Thư ký
6. Ông: Nguyễn Văn Khuyến	- Kế toán

IV. Nội dung:

1.Ông Hoàng Văn Thư - Chủ tịch UBND thông qua nội dung cuộc họp và kết quả công khai nội dung niêm yết theo quy định.

2. Bà. Nguyễn Thị Thúy thông báo thông tin của cán bộ, công chức và ý kiến phản hồi của thôn trưởng 9 thôn khi niêm yết bảng công khai tại trụ sỡ UBND và Tại nhà văn hoá 9 thôn.

Toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân đã nhất trí với nội dung bản niêm yết về công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách năm 2021

* Kết luận: 100% cán bộ, công chức và nhân dân đã nhất trí với nội dung bản niêm yết về công khai số dự toán thu chi ngân sách năm 2021, không có ý kiến nào khác.

Thư ký

Lê Thị Thu Hà

Chủ tịch

Hoàng Văn Thư

Thanh tra nhân dân

Nguyễn Thị Thúy

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ SƠN KIM 1**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51 /NQ-HĐND	*Sơn Kim 1, ngày 29 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ SƠN KIM 1
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2016;

Căn cứ luật ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản thực hiện hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số: 7599 /QĐ- UBND ngày 23/12/2020 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2021 cho UBND xã Sơn Kim 1

Xét tờ trình số: 91/TTr-UBND ngày 26/12/2019 của UBND xã Sơn Kim 1 về việc đề nghị phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách năm 2021 và ý kiến tham gia của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp;

QUYẾT NGH:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, với các nội dung sau:

1. Phần thu: 6.047.695.500 đồng

Trong đó:

+ Thu tại địa phương: 491.900.000 đồng

Trong đó: Thu tiền đất: 250.000.000đ

+ Thu trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp trên: 5.555.795.500 đồng

2. Phần chi: 6.047.695.500đồng

Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 268.000.000 đồng

+ Chi thường xuyên: 5.533.827.000 đồng.

+ Tiết kiệm 10%: 117.400.000 đồng

+ Dự phòng: 128.468.500 đồng

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2. Các giải pháp chính:

1. Tập trung chỉ đạo, khai thác và quản lý tốt các nguồn thu. Song song với việc tuyên truyền phổ biến cho nhân dân nhận thức đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Đảm bảo thực hiện thu đúng, thu đủ và mở rộng nguồn thu.

2. Bố trí chi ngân sách đảm bảo cho các hoạt động của Đảng, chính quyền và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; Quốc phòng - An ninh trên nguyên tắc tiết kiệm, chống lảng phí và hiệu quả cao.

3. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc quản lý sử dụng ngân sách. Đồng thời phát huy vai trò giám sát của HĐND trong công việc quản lý thu, chi ngân sách.

4. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích, động viên, khen thưởng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao cho UBND xã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết thu, chi ngân sách trên địa bàn năm 2021.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề về thu, chi ngân sách phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ thì báo cáo với Thường trực HĐND xem xét thống nhất giải quyết và báo cáo HĐND xã kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được HĐND xã khoá XIX kỳ họp thứ 13 biểu quyết thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2020.

Nơi nhận:
- Hội đồng nhân dân huyện
- UBND huyện
- TT HĐND xã
- UBMTTQ xã, các đoàn thể
- UBND xã, các ban ngành
- Các đại biểu HĐND xã
- Lưu TT HĐND xã

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Trần Văn Hải

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

I. PHẦN THU:

ĐVT: đồng.

NỘI DUNG	THU NGÂN SÁCH NN	THU NGÂN SÁCH XÃ	GHI CHÚ
TỔNG THU	**6455 795 500**	**6047 695 500**	
I. Các khoản thu 100%	**62 000 000**	**62 000 000**	
1. Thu phí, lệ phí	37 000 000	37 000 000	
2. Thu khác	25 000 000	25 000 000	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	**838 000 000**	**429 900 000**	
2. Thu cấp quyền sử dụng đất	500 000 000	250 000 000	
2. Tthuế phi nông nghiệp	1 000 000	1 000 000	
6. Lệ phí trước bạ	60 000 000	60 000 000	
7. Thuế tài nguyên	2 000 000	2 000 000	
8. Thuế VAT thu nhập doanh nghiệp	215 000 000	98 900 000	
9. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	60 000 000	18 000 000	
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**5555 795 500**	**5555 795 500**	
1.Trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp trên	5555 795 500	5555 795 500	
2. Trợ cấp mục tiêu			
IV. Thu viện trợ không hoàn lại			

II. PHẦN CHI:

NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2021	TIẾT KIỆM 10% CCTL	CÒN LẠI	GHI CHÚ
TỔNG CHI	**6047 695 500**	**117 400 000**	**5930 295 500**	
I. Chi đầu tư phát triển	**268 000 000**		**268 000 000**	
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	268 000 000		268 000 000	
II. Chi thường xuyên	**5651 227 000**	**117 400 000**	**5533 827 000**	
1. Chi quốc phòng, an ninh	**657 928 000**	**12 000 000**	**645 928 000**	
1.1: Chi Quốc phòng	455 468 000	10 000 000	445 468 000	
+ *Lương chỉ huy trưởng quân sự và các khoản đóng góp*	*85 000 000*		*85 000 000*	
+ *Lương chỉ huy phó quân sự*	*23 244 000*		*23 244 000*	
+ *Phụ cấp thôn đội trưởng*	*80 460 000*		*80 460 000*	
+ *Phụ cấp trách nhiệm dân quân*	*52 080 000*		*52 080 000*	
+ *Phụ cấp đặc thù quốc phòng*	*12 684 000*		*12 684 000*	
+ *Chi hoạt động*	*100 000 000*	*10 000 000*	*90 000 000*	
+ *Chi tuần tra biên giới*	*102 000 000*		*102 000 000*	
1.2: Chi an ninh	202 460 000	2 000 000	200 460 000	

+ *Phụ cấp công an viên*	*80 460 000*		*80 460 000*	
+ *Chi hoạt động*	*20 000 000*	*2 000 000*	*18 000 000*	
+ *Chi tuần tra biên giới*	*102 000 000*		*102 000 000*	
2. Sự nghiệp giáo dục	**21 788 000**	**2 000 000**	**19 788 000**	
- P/c y tế học đường trường mầm non	1 788 000		1 788 000	
-Hoạt động chúc mừng khai giảng, bế giảng, chào mừng ngày 20/11	20 000 000	2 000 000	18 000 000	
3. Hoạt động dân số KHH GĐ -y tế thôn	**52 276 000**	**400 000**	**51 876 000**	
- Phụ cấp y thôn kiêm CTV dân số	48 276 000		48 276 000	
- Chi hoạt động	4 000 000	400 000	3 600 000	
4. Sự nghiệp văn hoá thông tin	**100 000 000**	**5 500 000**	**94 500 000**	
- Chi khu dân cư	45 000 000		45 000 000	
- Chi hoạt động văn hóa	55 000 000	5 500 000	49 500 000	
5. Sự nghiệp thể dục thể thao	**70 000 000**	**7 000 000**	**63 000 000**	*ĐH TDTT*
6. Sự nghiệp kinh tế	**298 000 000**	**29 800 000**	**268 200 000**	
- Sự nghiệp Giao thông - Thủy lợi	220 000 000	22 000 000	198 000 000	
- Sự nghiệp nông, lâm nghiệp	20 000 000	2 000 000	18 000 000	
- Sự nghiệp môi trường	48 000 000	4 800 000	43 200 000	
- Sự nghiệp khác (chăn nuôi thú y)	10 000 000	1 000 000	9 000 000	
7. Đảm bảo xã hội	**174 332 000**	**1 000 000**	**173 332 000**	
- Hưu xã	*34 332 000*		*34 332 000*	
- BHYT các đối tượng	*130 000 000*		*130 000 000*	
- Chi khác	*10 000 000*	*1 000 000*	*9 000 000*	
8. Chi quản lý nhà nước đảng đoàn thể	**4251 903 000**	**59 700 000**	**4192 203 000**	
8.1. Ủy ban nhân dân	**2324 479 000**	**27 500 000**	**2296 979 000**	
- Lương CBUB và các khoản phải nộp	1345 415 000		1345 415 000	
- PC cán bộ bán chuyên trách (NTM, thú y, LN, phát thanh)	75 096 000		75 096 000	
- PC thôn trưởng	215 532 000		215 532 000	
- PC kiểm soát thủ tục hành chính	7 152 000		7 152 000	
-Phụ cấp tiếp dân	10 728 000		10 728 000	
-Phụ cấp kế toán trưởng	1 788 000		1 788 000	
- PC quản lý đê điều	5 964 000		5 964 000	1/3 lcb
- Phụ cấp người làm nhiệm vụ ở thôn	187 584 000		187 584 000	
-PC hợp đồng lao động vụ việc	50 000 000		50 000 000	
-Phụ cấp người làm công tác tôn giáo	26 820 000		26 820 000	
-Chi hoạt động dân tộc, tôn giáo	70 000 000		70 000 000	
- Chi hoạt động thường xuyên	255 000 000	25 500 000	229 500 000	
- Bộ phận 1 cửa	38 400 000		38 400 000	
- Hoạt động đối ngoại	20 000 000	2 000 000	18 000 000	
- Hỗ trợ 50% chi phí đóng BHXH - BHYT cho cán bộ bán chuyên trách	15 000 000		15 000 000	

8.2. Hội đồng nhân dân	**507 216 000**	**12 100 000**	**495 116 000**	
- Lương CT, PCT HĐND và các khoản phải nộp	103 000 000		103 000 000	
- PC đại biểu HĐND	229 100 000		229 100 000	
-'Phụ cấp các ban của HĐND	12 516 000		12 516 000	
-'Chi các khoản phụ cấp khác của ĐB HĐND	41 600 000		41 600 000	
-'Chi tổng kết nhiệm kỳ HĐND xã	20 000 000	2 000 000	18 000 000	
-'Bầu cử Quốc hội và ĐB HĐND các cấp	50 000 000	5 000 000	45 000 000	
- Chi may đồng phục cho đại biểu HĐND xã	26 000 000	2 600 000	23 400 000	1 tr/ĐB
- Chi hoạt động HĐND	25 000 000	2 500 000	22 500 000	
8.3. Đảng cộng sản Việt Nam	**593 628 000**	**7 000 000**	**586 628 000**	
- Lương CB Đảng và các khoản phải nộp	200 000 000		200 000 000	
- Phụ cấp VP đảng ủy	21 456 000		21 456 000	
- Phụ cấp BCH Đảng ủy	75 096 000		75 096 000	
- Phụ cấp bí thư chi bộ	216 348 000		216 348 000	
- Phụ cấp UB kiểm tra Đảng	10 728 000		10 728 000	
- Hoạt động (Hội nghị tổng kết, CTP, Đặt báo, điện thoại, VPP, hoạt động khác..)	70 000 000	7 000 000	63 000 000	
8.4. Mặt trận tổ quốc	**223 764 000**	**2 000 000**	**221 764 000**	
- Lương CB CTMT và các khoản phải nộp	89 000 000		89 000 000	
- PC phó CTMT Tổ quốc xã	23 244 000		23 244 000	
-Phụ cấp trưởng ban CTMT	71 520 000		71 520 000	
- Hoạt động mặt trận (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP, hoạt động khác…)	15 000 000	1 500 000	13 500 000	
- Thanh tra nhân dân	5 000 000	500 000	4 500 000	
- KP vận động toàn dân XD NTM	20 000 000		20 000 000	
8.5. Đoàn thanh niên CS HCM	**115 808 000**	**1 700 000**	**114 108 000**	
- Lương BT đoàn và các khoản phải nộp	75 564 000		75 564 000	
- PC phó BT Đoàn thanh niên	23 244 000		23 244 000	
- Hoạt động (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP…)	14 000 000	1 400 000	12 600 000	kn 90 năm 21
-Hội liên hiệp thanh niên	3 000 000	300 000	2 700 000	
8.6. Hội liên hiệp phụ nữ	**136 244 000**	**2 800 000**	**133 444 000**	
- Lương CT HPN và các khoản phải nộp	85 000 000		85 000 000	
- PC phó CT.HPN	23 244 000		23 244 000	
- Hoạt động HPN (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP, hoạt động khác…)	12 000 000	1 200 000	10 800 000	
- Đại hội	12 000 000	1 200 000	10 800 000	
- Vì sự tiến bộ của phụ nữ	4 000 000	400 000	3 600 000	
8.7. Hội cựu chiến binh	**120 244 000**	**1 200 000**	**119 044 000**	
- Lương CT CCB và các khoản phải nộp	85 000 000		85 000 000	
- PC phó CT.HCCB	23 244 000		23 244 000	

- Hoạt động (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP…)	12 000 000	1 200 000	10 800 000	
8.8. Hội nông dân	**140 244 000**	**1 200 000**	**139 044 000**	
- Lương CT HND và các khoản phải nộp	105 000 000		105 000 000	
- PC phó CTHND	23 244 000		23 244 000	
- Hoạt động (Hội nghị tổng kết, CTP, VPP, …)	12 000 000	1 200 000	10 800 000	
8.9. Các tổ chức hội khác	**90 276 000**	**4 200 000**	**86 076 000**	
- Hội người cao tuổi	37 244 000	1 400 000	35 844 000	
+ *Phụ cấp chủ tịch hội*	*23 244 000*		*23 244 000*	
+ *Hoạt động*	*4 000 000*	*400 000*	*3 600 000*	
+ *Chi tổ chức mừng thọ chúc thọ*	*5 000 000*	*500 000*	*4 500 000*	
+ *Chi đại hội*	*5 000 000*	*500 000*	*4 500 000*	
- Hội chữ thập đỏ	21 516 000	900 000	20 616 000	
+ *Phụ cấp chủ tịch hội*	*12 516 000*		*12 516 000*	
+ *Hoạt động*	*4 000 000*	*400 000*	*3 600 000*	
+ *Đại hội*	*5 000 000*	*500 000*	*4 500*	
- Hội người tàn tật trẻ mồ côi (Tổng kết, VPP)	4 000 000	400 000	3 600 000	
- Hội thanh niên xung phong	14 516 000	200 000	14 316 000	
' + Phụ cấp chủ tịch hội CTNXP	*12 516 000*		*12 516 000*	
' + Hoạt động	*2 000 000*	*200 000*	*1 800 000*	
- Hoạt động công đoàn	*5 000 000*	*500 000*	*4 500 000*	
- Hội khuyến học	*5 000 000*	*500 000*	*4 500 000*	
- 'Ban liên lạc dân tộc	*3 000 000*	*300 000*	*2 700 000*	
9 Chi khác	**25 000 000**		**25 000 000**	
III. Dự phòng	**128 468 500**		**128 468 500**	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ SƠN KIM 1**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 03/QĐ-UBND	*Sơn Kim 1, ngày 04tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2021

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 1916/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước và Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 7599/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 cho xã Sơn Kim 1;

Căn cứ Nghị Quyết số 51/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của HĐND xã Sơn Kim 1 về việc phê chuẩn dự toán thu, chi Ngân sách xã năm 2021;

Xét đề nghị của Ban tài chính ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2021 số tiền là: 6.047.695.500 (Sáu tỷ không trăm bốn bảy triệu sáu trăm chín lăm nghìn năm trăm đồng) với nội dung như sau.

I.Thu ngân sách. 6.047.695.500 (Sáu tỷ không trăm bốn bảy triệu sáu trăm chín lăm nghìn năm trăm đồng)

Trong đó:

+ Thu ngân sách trên địa bàn xã hưởng 100% là 61.000.000 đồng.

+ Thu trên địa bàn theo tỷ lệ % tỉnh quy định là 430.900.000 đồng

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên 5.555.795.500 đồng

II.Chi ngân sách: 6.047.695.500 (Sáu tỷ không trăm bốn bảy triệu sáu trăm chín lăm nghìn năm trăm đồng)

Trong đó:

I. Chi thường xuyên là:	5.651.227.000 đồng
+ Chi lương, Phụ cấp là:	4.328.181.000 đông
+ Chi thường xuyên:	1.206.046.000 đồng
+ Tiết kiệm chi thường xuyên 10%:	117.000.000 đồng.
II. Chi dự phòng ngân sách là:	128.468.500 đồng

III. Chi đầu tư phát triển là: 268.000.000 đồng

Điều 2. Căn cứ dự toán Thu, chi ngân sách được giao, Ban tài chính ngân sách xã có nhiệm vụ huy động khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo nhiệm vụ chi theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước quy định. Trích 10% tiết kiệm chi thường xuyên để bố trí nguồn cải cách tiền lương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính Ngân sách xã và các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- KBNN;
- Phòng TC- KH; Báo cáo
- Lưu: VPHĐND-UBND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thư

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /01/2021 của UBND xã Sơn Kim 1)

Chương	Loại	Khoản	Mã CTMT	Diễn giải	Dự toán
810	010	011		Ban quân sự	455.468.000
809	040	041		Ban công an	202.460.000
				Anh ninh - Quốc phòng	**657.928.000**
822	070	071		Giáo dục mầm non	21.788.000
823	130	151		Chi dân số & KHH gia đình	52.276.000
805	160	161		Văn hoá (KDC, VH-VN)	45.000.000
805		171		Thông tin(tuyên truyền)	55.000.000
805	220	221		Thể dục thể thao	70.000.000
				Chi hoạt động sự nghiệp	**244.064.000**
860	370	371		Hoạt động thực hiện chính sách người có công CM	140.000.000
860		374		Lương hưu	34.332.000
				Cộng Loại: 370	**174.332.000**
805		261		Sự nghiệp môi trường	48.000.000
805	280	281		Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp(bao gồm thú y)	150.000.000
805		282	00629	Sự nghiệp lâm nghiệp	100.000.000
805		292		Sự nghiệp giao thông	220.000.000
				Cộng Loại: 280	**518.000.000**
819	340	351		Đảng uỷ	593.628.000
				Cộng Đảng ủy	**593.628.000**
811	340	361		Đoàn thanh niên	115.808.000
812				Hội LH Phụ nữ	136.244.000
813				Hội nông dân	140.244.000
814				Hội cựu chiến binh	120.244.000
820				Mặt trận tổ quốc	223.764.000
				Cộng Đoàn thể	**736.304.000**
802	340	341		Hội đồng nhân dân	507.216.000
805				Uỷ ban nhân dân	2.094.479.000
				Cộng Quản lý nhà nước	**2.601.695.000**
824	340	362		Hội chữ thập đỏ	21.516.000
825				Hội người Cao tuổi	37.244.000
826				Hội khuyến học và Cựu Giáo chức	5.000.000
860				Hội cựu TNXP - Hội CĐ da cam - Hội BTNTT và TMC	36.516.000
				Chi hội	**100.276.000**
				Cộng loại 340	**4.031.903.000**
TK: 9528.4.1100196					
860		283		Sự nghiệp thủy lợi	10.000.000
805		281	00395	Hoạt động trồng trọt, chăn nuôi(Hỗ trợ lãi suất)	15.000.000
				Cộng	25.000.000
				TỔNG CỘNG	**5.651.227.000**

KẾ TOÁN

Nguyễn Văn Khuyến

CHỦ TỊCH UBND

Hoàng Văn Thư